**Tiếng Việt**

**-133+134-**

**Bài 58: ăn, ăt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần **ăn, ăt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ăn, ăt.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ăn,** vần **ăt.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Ở nhà Hà* (biết điền, đọc thông tin trong bảng).

- Viết đúng các vần **ăn, ăt;** các tiếng **chăn, mắt** (trên bảng con).

**2. Góp phần pháp triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế

- Hợp tác có hiệu quả với các bạn trong nhóm, trong tổ và trong lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Ti vi, máy tính

- Bộ đồ dùng

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn định tổ chức** (1’)  **A. Hoạt động mở đầu** (5’)  - GV gọi HS đọc bài *Tóm cổ kẻ trộm*.  ? Ai có công tóm cổ tên quạ kẻ trộm?  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét  **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **1. Giới thiệu bài** (2’)  - Hôm nay, các em sẽ được học vần mới, đó là vần **ăn,** vần **ăt.**  **2. Chia sẻ và khám phá** (BT1: Làm quen)  **2.1.** Dạy vần **ăn** (5’)  - GV chỉ vần **ăn**, đọc mẫu  - GV yêu cầu HS phân tích vần **ăn**  - GV gọi HS đánh vần và đọc trơn.  - GV chỉ hình, hỏi: Đây là hình ảnh gì?  - GV giới thiệu mô hình tiếng **chăn,** đọc mẫu  - GV chỉ lại mô hình vần **ăn,** mô hình tiếng **chăn**  **2.2.** Dạy vần **ăt** (5’)  - GV chỉ vần **ăt**, đọc mẫu  - GV yêu cầu HS phân tích vần **ăt**  - GV gọi HS đánh vần và đọc trơn.  - GV chỉ hình, hỏi: Đây là hình ảnh gì?  - GV giới thiệu mô hình tiếng **mắt**  - GV chỉ lại mô hình vần **ăt,** mô hình tiếng **mắt**  ? Các em vừa được học vần mới, tiếng mới nào?  - GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn.  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (5’)(BT 2: Tìm tiếng có vần **ăn,** tiếng có vần **ăt)**  - GV xác định yêu cầu  - GV chỉ từng chữ dưới hình  - GV giải nghĩa: *chim cắt* (loài chim ăn thịt, nhỏ hơn diều hâu, cánh dài, nhọn, bay rất nhanh, có câu: *Nhanh như cắt).*  - GV yêu cầu từng cặp HS tìm tiếng có vần **ăn,** vần **ăt** trong VBT.  - GV mời HS báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng từ in đậm.    - GV yêu cầu HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **ăn**; có vần **ăt** .  **3.2. Tập viết** (10’) **(BT4 – Bảng con)**  a. Đọc  - GV yêu cầu HS đọc đọc các chữ, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.  b. GV hướng dẫn HS viết vần **ăn, chăn**  - GV mời HS đọc vần **ăn, chăn,** nói cách viết, độ cao các con chữ.  - GV viết mẫu từng vần, hướng dẫn: Vần **ăn:** viết **ă** trước, **n** sau. Các con chữ **ă, n** đều cao 2 li. Chữ **chăn:** viết **ch** trước, **ăn** sau. Chú ý nối nét giữa **ă** và **n.**  - GV yêu cầu HS viết: **ăn, chăn**.  c. Viết: **ăt, mắt** (như mục b).  - GV viết mẫu, hướng dẫn, chú ý: **mắt:** viết **m** trước, **ăt** sau, dấu sắc đặt trên **ă.**  - GV yêu cầu HS viết: **ăt, mắt.**  - GV nhận xét  **\* Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học.  - Ôn, đọc lại các vần và các tiếng chứa vần **ăn, ăt**  - Tìm xung quanh nơi em sống các sự vật, con vật có vần **ăn, ăt**  - Luyện viết bảng con thêm các vần, các tiếng vừa học. | - 1HS đọc  - HS trả lời  - HS nhận xét  - HS quan sát và lắng nghe  - HS đọc **ăn.**  - HS phân tích: vần **ăn** gồm có âm **ă** đứng trước, âm **n** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **ă - nờ - ăn / ăn.**  - HS trả lời: chăn  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: chờ - ăn - chăn / chăn  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn: ă - nờ - ăn / chờ - ăn - chăn / chăn.  - HS đọc **ăt**  - HS phân tích: vần **ăt** gồm có âm **ă** đứng trước, âm **t** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **ă - tờ - ăt***/* **ăt.**  - HS trả lời: mắt  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: mờ - ăt - măt - sắc - mắt / mắt.  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn: ă - tờ - ăt / mờ - ăt - măt - sắc - mắt / mắt.  - HS nói 2 vần mới học: **ăn, ăt,** 2 tiếng mới học: **chăn, mắt.**  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn  - HS quan sát, nghe  - 1 HS đọc, cả lớp đọc  - HS quan sát, nghe  - HS làm bài trong VBT  - 2HS báo cáo kết quả  - Cả lớp: Tiếng (chim) **cắt** có vần **ăt.** Tiếng (củ) **sắn** có vần **ăn...**  - HS tìm và nói  - HS đọc: **ăn, chăn, ăt, mắt.**  - 1 HS thực hiện  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn định tổ chức** (1’)  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.3. Tập đọc** (32’)  a. GV giới thiệu bài *Ở nhà Hà* nói về gia đình Hà.  - GV chỉ tranh, hỏi: Nhà Hà có những ai?  - GV: Mỗi người trong nhà Hà đều có công việc trong ngày. Lịch làm việc buổi sáng của mỗi người thế nào, các em hãy nghe.  b. GV đọc mẫu - đọc rõ ràng, rành rẽ việc làm của từng người.  c. Luyện đọc từ ngữ:  - GV yêu cầu HS gạch chân các từ sau: **giúp má, sắp cơm, cho gà ăn, rửa mặt, dắt xe đi làm** và luyện đọc.  d. Luyện đọc câu  ? Bài đọc có mấy câu?  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng.  - GV yêu cầu HS đọc tiếp nối từng câu  e. GV tổ chức thi đọc tiếp nối 3 đoạn (2/3/4 câu).  g. Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC  - GV chỉ từng từ ngữ (theo chiều ngang, từ trái qua phải).  - GV chỉ từng từ ngữ (cả cột dọc và ngang), mời 1 HS làm với **mẫu:** công việc của má: *Má / 6 giờ - sắp cơm* / 7 *giờ - dắt xe đi làm.*  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài Tập đọc, bổ sung thông tin vào chỗ có dấu (...) trong VBT.  - GV mời 1 HS báo cáo kết quả. GV giúp HS điền nhanh thông tin vào bảng.  - GV yêu cầu HS chốt lại thông tin đúng, đọc nhỏ bảng kết quả:  - GV hướng dẫn HS đọc  ? Bài đọc cho em biết điều gì?  - GV mời cảlớp đọc lại nội dung 2 trang  **4. Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS về nhà đọc cho người thân nghe bài Tập đọc *Ở nhà Hà* | - HS nghe, quan sát  - HS: Có bà, ba, má, Hà, bé Lê.  - HS nghe  - HS nghe  - HS quan sát, nghe và đọc  - HS: 9 câu.  - Cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - HS đọc (cá nhân, từng cặp).  - HS đọc  - HS đọc cả bài  - Cả lớp đọc  - HS nghe  - HS đọc: 6 giờ / 7 giờ // **Má /** sắp cơm / dắt xe đi làm. // **Hà /** giúp má... / ra lớp // **Ba /...**  - Cả lớp nhắc lại.  - HS làm bài tập  - 1 HS đọc đáp án  - Cả lớp thực hiện  - HS đọc  - HS: Gia đình Hà có 5 người. Ai cũng có công việc, ai cũng bận rộn. |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………

….…………………………………………………………………………………